

Số: 389/TB-THNT

Nhà Bè, ngày 04 tháng 10 năm 2022

THÔNG BÁO
Các khoản thu năm học 2022-2023

Căn cứ vào Công văn số 1770/UBND ngày 23/9/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè “Về việc thống nhất thu học phí và các khoản thu khác; Thực hiện chế độ miễn giảm, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện Nhà Bè”;

Căn cứ vào Tờ trình số 1216/TTr-GDDT ngày 7 tháng 9 năm 2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo “Về việc hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác năm học 2022-2023; Thực hiện chế độ miễn giảm, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục và đào tạo công lập trên địa bàn huyện Nhà Bè”;

Căn cứ vào biên bản họp lấy ý kiến phụ huynh về thực hiện Các khoản thu năm học 2022-2023;

Nay Trường Tiểu học Nguyễn Trực xin thông báo đến phụ huynh học sinh về nội dung các khoản thu trong năm học 2022-2023 như sau:

I. Thu các khoản thu thỏa thuận:

Stt	Nội dung thu	Mức thu theo quy định	Mức thu NH 2022-2023
1	Tiền dạy học 2 buổi/ngày (Lớp 4, 5)	80.000đ/hs/tháng	80.000đ/hs/tháng
2	Tiền dạy học Tiếng Anh tăng cường (Lớp 1, 2, 4, 5)	60.000đ/hs/tháng (6 tiết/tuần)	60.000đ/hs/tháng (6 tiết/tuần)
3	Tiền học Tiếng Anh với người bản xứ (2 tiết/tuần – lớp tăng cường)	250.000đ/hs/tháng	220.000đ/hs/tháng
	Tiền học Tiếng Anh với người bản xứ (1 tiết/tuần - các lớp đề án)	125.000đ/hs/tháng	110.000đ/hs/tháng
4	Tiền dạy học Tin học (khối 2, 4, 5)	30.000đ/hs/tháng	30.000đ/hs/tháng
5	Tiền dạy kỹ năng sống/tháng/hs (1 tiết/tuần)	60.000đ/hs/tháng	60.000đ/hs/tháng
6	Tiền tổ chức phục vụ công tác bán trú	100.000đ/hs/tháng	100.000đ/hs/tháng
7	Tiền vệ sinh phí bán trú	20.000đ/hs/tháng	20.000đ/hs/tháng
8	Thiết bị, vật dụng phục vụ học sinh bán trú	160.000đ/hs/năm	160.000đ/hs/năm

II. Thu các khoản Thu hộ, chi hộ:

Stt	Nội dung thu	Mức thu Năm học 2021-2022	Mức thu Năm học 2022-2023
1	Tiền uống sữa, ăn trưa, ăn xế	35.000đ/hs/ngày	35.000đ/hs/ngày
2	Nước uống cho học sinh	10.000đ/hs/tháng	10.000đ/hs/tháng
3	Tiền điện do sử dụng và bảo trì máy lạnh (Học sinh bán trú)	35.000đ/hs/tháng	30.000đ/hs/tháng
4	Tiền điện do sử dụng và bảo trì máy lạnh (Học sinh 2 buổi)	30.000đ/hs/tháng	25.000đ/hs/tháng
5	Bảo hiểm y tế (bắt buộc)	46.935đ/hs/tháng	46.935đ/hs/tháng
6	Bảo hiểm tai nạn (tự nguyện)	30.000đ/hs/năm	30.000đ/hs/năm
7	Tiền sử dụng liên lạc điện tử, Enet Việt	20.000đ/hs/tháng	20.000đ/hs/tháng
8	Tiền ăn phẩm, ăn chỉ (Số học bạ; Tiền đề kiểm tra định kỳ, phù hiệu) lớp 1	32.000đ/hs/năm	32.000đ/hs/năm
9	Tiền ăn phẩm, ăn chỉ (Tiền đề kiểm tra định kỳ, phù hiệu) lớp 2	17.000đ/hs/năm	17.000đ/hs/năm
10	Tiền ăn phẩm, ăn chỉ (Tiền đề kiểm tra định kỳ, phù hiệu) lớp 3	20.000đ/hs/năm	20.000đ/hs/năm
11	Tiền ăn phẩm, ăn chỉ (Tiền đề kiểm tra định kỳ, phù hiệu) lớp 4	25.000đ/hs/năm	25.000đ/hs/năm
12	Tiền ăn phẩm, ăn chỉ (Tiền đề kiểm tra định kỳ, phù hiệu) lớp 5	28.000đ/hs/năm	28.000đ/hs/năm

Nơi nhận:

- PGD&ĐT H.Nhà Bè (Để báo cáo);
- PHHS (Để thực hiện)
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Văn Phước